

Bản án số: 148/2017/HS-ST

Ngày: 26/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thuận Quang – Nghề nghiệp: Giáo viên; Nơi công tác: Trường tiểu học Châu Văn Liêm, quận S;

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly – Nghề nghiệp: Cán bộ; Nơi công tác: Quận ủy quận S

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 174/2017/HSST-QĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ *Họ và tên:* **Trần Thanh V**; Giới tính: nam; sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 552C10 khu phố 1, phường P, thành phố B; Chỗ ở: 240/7/10A đường N, phường M, quận S, Tp. Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Trần Văn V (đã chết năm 2008) và bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1976; Chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/8/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ *Họ và tên:* **Thái Văn H** (tên gọi khác: Cam); Giới tính: nam; Sinh ngày 26/02/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Không nơi đăng ký thường trú; Chỗ ở: 240/13/99 đường N, phường M, quận S, Tp. Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Bùi Tấn T, sinh năm

1975 và bà Thái Kim N, sinh năm 1976; Chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/8/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Thái Văn H:* Ông Bùi Tấn T, sinh năm 1975 và bà Thái Kim N, sinh năm 1976 – Là cha, mẹ của bị cáo Thái Văn H; Thường trú: Không nơi đăng ký thường trú; Chỗ ở: 240/13/99 đường N, phường M, quận S, Tp. Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Thái Văn H:* Ông Đặng Đức T – Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: 470 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị hại:*

1/ Chị Phạm Quỳnh N, sinh năm 1998; Thường trú: Thôn K, xã S, huyện X, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở: 58/30/42 đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/ Anh Dương Đức H1, sinh năm 1998; Thường trú: Thôn R, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1964; Thường trú: A, Xã B, huyện O, Đồng Nai; Chỗ ở: 47C2 ấp A, xã B, huyện R, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Thanh V và bị cáo Thái Văn H (tên gọi khác: Cam) bị Viện kiểm sát nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 17/8/2017, Trần Thanh V điều khiển xe gắn máy biển số 60H2-1748 chở Thái Văn H đi tìm tài sản cướp giật bán lấy tiền tiêu xài. Khi lưu thông đến gần ngã tư đường H – đường N thì V phát hiện chị Phạm Quỳnh N được anh Dương Đức H1 chở bằng xe gắn máy trên tay có cầm điện thoại di động Oppo F1S, V nói cho H biết rồi điều khiển xe chạy lên. Khi đến trước nhà số 549 đường H, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh thì H dùng tay trái giật chiếc điện thoại di động của chị N rồi V tăng ga tẩu thoát đến ngã tư đường H – đường M thì V và H bị té ngã xe. H bị xe ngã đè lên người nên bị bắt giữ cùng phương tiện và vật chứng giao Công an phường N, quận S rồi chuyển Công an

phường M, quận S lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Riêng V chạy bộ tẩu thoát đến ngày 21/8/2017 thì bắt giữ. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan điều tra – Công an quận S thụ lý.

Tại Cơ quan điều tra Công an quận S: Trần Thanh V và Thái Văn H khai nhận đã thực hiện hành vi như đã nêu trên.

Người bị hại chị Phạm Quỳnh N, anh Dương Đức H1 trình bày phù hợp những nội dung tình tiết vụ việc mà các bị cáo Trần Thanh V và Thái Văn H đã khai.

Vật chứng gồm:

- 01 điện thoại di động Oppo F1S. Cơ quan điều tra - Công an quận S đã trao trả chiếc điện thoại di động trên cho chị Phạm Quỳnh N, anh Dương Đức H1. Chị N, anh H1 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- 01 chiếc xe máy dạng Future, màu hồng đen biển số 60H2-1748 có số khung RPDWCH2PD5A007916, số máy VLFPD1P52FMH35A307916 là phương tiện phạm tội. Qua xác minh biển số được biết do anh Nguyễn Thanh H đứng tên chủ sở hữu nhưng khác số khung, số máy. Qua giám định số khung, số máy tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh được biết không có đăng ký dữ liệu. Bị cáo V khai mua chiếc xe trên của một người thanh niên không rõ lai lịch, Cơ quan điều tra đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa ai đến làm việc.

Tại văn bản số 1927/TCKH ngày 10/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận S kết luận định giá tài sản như sau: 01 điện thoại di động Oppo F1S, màu trắng có giá là 2.800.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 140/CT-VKS ngày 20/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Thanh V, Thái Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Thanh V, Thái Văn H khai nhận chính các bị cáo đã thực hiện hành vi giật điện thoại di động Oppo F1S của chị Phạm Quỳnh N, anh Dương Đức H1 trước cửa nhà số 549 đường H, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh vào tối ngày 17/8/2017 như bản cáo trạng đã nêu.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Thái Văn H là ông Bùi Tấn T và bà Thái Kim N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sớm trở về phụ giúp gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Thanh V, Thái Văn H như Bản cáo trạng số 140/CT-VKS ngày 20/11/2017 và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của

bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trần Thanh V, Thái Văn H đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trần Thanh V từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Thái Văn H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự.

Không phạt tiền đối với bị cáo Trần Thanh V do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Future, màu hồng đen có số khung RPDWCH2PD5A007916, số máy VLFPD1P52FMH35A307916, nếu trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì trả lại cho họ.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển số xe 60H2-1748.

Các vật chứng khác Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Người bào chữa cho bị cáo Thái Văn H là ông Đặng Đức T – Trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân quận S truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Khi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên, sinh ra trong gia đình khó khăn, lao động phổ thông; không biết chữ nên hiểu biết pháp luật kém; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Căn cứ điểm g, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo H có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69 và Điều 74 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo H sớm trở lại hòa nhập cộng đồng.

Sau khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát bảo lưu lời luận tội; người bào chữa bảo lưu lời bào chữa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý

kiến của Kiểm sát viên, bị cáo Trần Thanh V, Thái Văn H, người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo Thái Văn H.

XÉT THẤY:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Thanh V, Thái Văn H khai nhận chính các bị cáo đã thực hiện hành vi như bản cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của bị cáo Trần Thanh V, Thái Văn H là phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người bị hại chị Phạm Quỳnh N, anh Dương Đức H1 tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận vào tối ngày 17/8/2017, các bị cáo Trần Thanh V, Thái Văn H đã sử dụng xe gắn máy giật của chị Phạm Quỳnh N, anh Dương Đức H1 01 điện thoại di động Oppo F1S, màu trắng có giá là 2.800.000 đồng tại trước cửa nhà số 549 đường H, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh rồi nhanh chân tẩu thoát là phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đúng như Viện kiểm sát nhân dân quận S truy tố.

Hành vi của các bị cáo Trần Thanh V, Thái Văn H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung.

Bị cáo Trần Thanh V đã thành niên, có nhân thân xấu, tháng 9 năm 2014 bị cáo đã bị xét xử về tội chiếm đoạt tài sản. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra nhưng do tính tham lam, lười lao động và xem thường pháp luật nên bị cáo đã chấp nhận ngay lời đề nghị của bị cáo Thái Văn H đi tìm tài sản cướp giật. Bị cáo Thái Văn H khi phạm tội tuy là người chưa thành niên, nhưng đã chủ động rủ rê bị cáo V đi tìm tài sản cướp giật, bị cáo H cũng nhận biết được hành vi dùng xe gắn máy là nguồn nguy hiểm cao độ cướp giật tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và được quy định trong Bộ luật hình sự nhưng do xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Thái Văn H là người rủ rê đồng thời là người trực tiếp giật tài sản, bị cáo Trần Thanh V là người điều khiển xe, là người phát hiện người bị hại. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo Trần Thanh V phạm tội gây thiệt hại không lớn, có thái độ thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm g và điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Còn bị cáo Thái Văn H là người chưa thành niên, phạm tội lần đầu, phạm tội gây thiệt hại không lớn, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm g và điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo Thái Văn H có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nên căn cứ khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69 và khoản 2 Điều 74 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 136 của Bộ luật hình sự thì bị cáo Trần Thanh V còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét bị cáo Trần Thanh V không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo V.

Khi phạm tội, bị cáo Thái Văn H là người chưa thành niên, dưới 16 tuổi, căn cứ vào khoản 5 Điều 69 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo H.

Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Thái Văn H là ông Đặng Đức T – Trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân quận S truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm g, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69 và khoản 2 Điều 74 của Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất của khung hình phạt. Các tình tiết giảm nhẹ mà người bào chữa cho bị cáo H đưa ra là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận như nhận định trên.

Việc bồi thường thiệt hại: Người bị hại chị Phạm Quỳnh N, anh Dương Đức H1 đã nhận lại tài sản và không có ý kiến hay yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Việc xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại di động mà các bị cáo Trần Thanh V, Thái Văn H chiếm đoạt, Cơ quan điều tra Công an quận S đã trả lại cho chị Phạm Quỳnh N (theo Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 10/9/2017 của Công an quận S – BL87) nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Future, màu hồng đen có số khung RPDWCH2PD5A007916, số máy VLFPD1P52FMH35A307916 (theo lệnh nhập kho vật chứng số 152/LNK ngày 10/9/2017 của Công an quận S) hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nên nêu trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe thì tịch thu, sung quỹ Nhà nước

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với biển số xe 60H2-1748 là vật chứng không sử dụng được nên bị tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Trần Thanh V, Thái Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Trần Thanh V, Thái Văn H** (Cam) phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g và điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh V** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2017.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g, điểm p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46; Điều 69, khoản 2 Điều 74; Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo **Thái Văn H** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2017.

- Về xử lý vật chứng :

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Future, màu hồng đen có số khung RPDWCH2PD5A007916, số máy VLFPD1P52FMH35A307916, nếu trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì trả lại cho họ.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển số xe 60H2-1748.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Thanh V phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Thái Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thanh V, bị cáo Thái Văn H, người đại diện hợp pháp của bị cáo Thái Văn H, người bào chữa cho bị cáo Thái Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại chị Phạm Quỳnh N, anh Dương Đức H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND quận S;
- Công an quận S
- Chi cục THADS quận S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Trúc